

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
1	2223240001	Đặng Quỳnh Anh	10/08/1994	02BK15A1	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
2	2223360017	Lê Thị Hồng Gấm	02/06/1999	02BK15A1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
3	2223360006	Võ Thị Hồng	02/06/1991	02BK15A1	8.5	9.5	9.2		9.5		9.4	Đạt
4	2223240021	Lê Quốc Khánh	22/04/2001	02BK15A1	8.5	8.0	8.2		8.0		8.1	Đạt
5	2223240020	Đặng Trần Mỹ Linh	21/06/2001	02BK15A1	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
6	2223360020	Nguyễn Xuân Lợi	18/08/2001	02BK15A1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
7	2223240008	Võ Nguyễn Hạnh Nguyên	17/10/2000	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
8	2223360018	Đỗ Phú Thành Tài	03/06/2006	02BK15A1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
9	2223360003	Dương Thị Bé Thảo	29/09/1995	02BK15A1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
10	2223360011	Trần Ngọc Thanh Thảo	23/04/2005	02BK15A1	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
11	2223240028	Trần Tiến Tới	13/09/2003	02BK15A1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
12	2223240019	Phạm Minh Trang	07/02/2000	02BK15A1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
13	2223240009	Trần Anh Tuấn	19/11/1996	02BK15A1	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
14	2223360012	Lê Thùy Uyên	22/10/2003	02BK15A1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
15	2223360005	Trịnh Thị Thúy Vân	24/06/1998	02BK15A1	9.0	10.0	9.7		9.5		9.6	Đạt
16	2223240026	Thái Triệu Vy	26/02/2002	02BK15B1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
17	2223360022	Huỳnh Hồng Liên	10/07/2004	02BK15B1	7.0	6.5	6.7		7.0		6.9	Đạt
18	2223360002	Võ Duy Anh	06/10/2000	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
19	2223240006	Nguyễn Trần Hiếu	Anh	28/03/1993	02BK15B1	7.5	8.0	7.8		7.5		7.6	Đạt
20	2223240014	Bùi Chí	Bảo	22/01/2000	02BK15B1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
21	3223240004	Nguyễn Thị Anh	Đào	18/01/1995	02BK15B1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
22	2223240007	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	15/12/1984	02BK15B1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
23	2223240025	Cao Minh	Điền	26/07/2000	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
24	2223360016	Trần Ngọc Thanh	Hà	23/07/2000	02BK15B1	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
25	3223240003	Nguyễn Thị	Hiên	25/10/1990	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.5		9.3	Đạt
26	2223240027	Phan Thị Tâm	Hiên	17/11/2001	02BK15B1	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
27	3223240002	Phạm Thị Kim	Hồ	20/10/1994	02BK15B1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
28	2223240018	Hoàng Thị	Hoài	08/03/1990	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
29	2223240017	Lê Thị	Hồng	17/10/1990	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
30	2223240011	Nguyễn Thị	Huệ	14/02/1985	02BK15B1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
31	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02BK15B1	8.5	9.0	8.8		8.5		8.6	Đạt
32	2223240015	Nguyễn Phan Hoài	Linh	24/12/1999	02BK15B1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
33	3223240001	Lê Thị Khánh	Linh	06/03/1998	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
34	2223240023	Nguyễn Thị	Nhường	06/11/1980	02BK15B1	8.5	8.5	8.5		9.0		8.8	Đạt
35	2223240022	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/04/1985	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
36	2223360001	Nguyễn Huỳnh Hồng	Phương	22/09/2006	02BK15B1	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
37	2223240002	Nguyễn Thanh Sang	11/09/1996	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
38	2223360007	Nguyễn Hoàng Thành	12/12/2000	02BK15B1	7.5	8.0	7.8		8.5		8.2	Đạt
39	2223240029	Trần Lê Anh Thư	27/02/2000	02BK15B1	8.5	9.0	8.8		9.0		8.9	Đạt
40	2223360009	Võ Minh Thuận	15/05/2002	02BK15B1	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
41	2223240005	Nguyễn Thanh Thúy	05/03/1997	02BK15A1	9.5	9.5	9.5		9.5		9.5	Đạt
42	3223240005	Nguyễn Thị Huyền Trâm	09/04/2000	02BK15B1	7.5	8.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
43	2223240013	Trần Đức Trung	28/02/1999	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
44	2223360015	Nguyễn Thu Thanh Tuyền	08/07/2001	02BK15B1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
45	2223360162	Nguyễn Mạnh Cường	27/09/2003	02BK14A1	7.0	7.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
46	2223360053	Trần Minh Trâm Anh	16/02/2005	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
47	2223360024	Trần Gia Bảo	02/02/2005	02BK15A2	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
48	2223240061	Nguyễn Phúc Bảo Châu	02/07/2003	02BK15A2	10.0	8.5	9.0		8.0		8.4	Đạt
49	2223360029	Ninh Thị Dịu	20/04/1992	02BK15A2	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
50	2223360050	Quách Khả Doanh	14/04/2006	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		7.0		7.5	Đạt
51	2223360030	Nguyễn Thị Khánh Duy	20/09/2005	02BK15A2	10.0	8.5	9.0		7.0		7.8	Đạt
52	2223360027	Nguyễn Mỹ Hằng	13/03/2002	02BK15A2	9.0	8.0	8.3		7.0		7.5	Đạt
53	2223360031	Ngô Quang Hiệp	19/04/2002	02BK15A2	10.0	8.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
54	2223240035	Nguyễn Khắc Huy	15/09/2000	02BK15A2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
55	2223360065	Đinh Thanh Huy	07/10/2004	02BK15A2	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
56	2223360033	Nguyễn Thị Đăng Khoa	02/08/2003	02BK15A2	10.0	7.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
57	2223360061	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	04/02/2003	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
58	2223360068	Trần Thanh Phước Lộc	24/12/1988	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
59	2223240073	Nguyễn Huỳnh Bảo Ngọc	07/03/2003	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		7.0		7.5	Đạt
60	2223360058	Trần Thị Thanh Nguyên	24/01/2004	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
61	2223360042	Đặng Xuân Nhật	10/11/2001	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
62	2223240040	Huỳnh Thị Hồng Nhi	28/05/2001	02BK15A2	9.0	8.5	8.7		7.5		8.0	Đạt
63	2223360023	Phạm Nguyễn Minh Nhựt	29/12/2006	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
64	2223240051	Lê Kim Phương	28/10/2003	02BK15A2	9.5	8.0	8.5		8.5		8.5	Đạt
65	2213360381	Trần Lê Thảo Uyên	11/12/2003	02BK15A2	10.0	8.5	9.0		7.5		8.1	Đạt
66	2223360074	Phan Nhật Sơn	18/11/2002	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		7.0		7.5	Đạt
67	2223360055	Trương Tấn Tài	29/01/2003	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
68	2223360062	Nguyễn Đức Tài	12/12/2002	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		6.5		7.2	Đạt
69	2223360045	Nguyễn Ngọc Thịnh	22/07/2002	02BK15A2	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
70	2223360049	Trần Hoàng Thơ	16/11/2003	02BK15A2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
71	2223240064	Hoàng Nguyễn Kim Thư	07/05/2003	02BK15A2	9.0	7.5	8.0		9.5		8.9	Đạt
72	2223360052	Huỳnh Văn Thường	17/12/2004	02BK15A2	10.0	7.5	8.3		7.0		7.5	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
73	2223360044	Võ Thị Thủy	Tiên	09/09/2002	02BK15A2	8.0	7.5	7.7		8.5		8.2	Đạt
74	2223360025	Ngô Thị Bích	Trâm	07/03/2002	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		8.0		8.5	Đạt
75	2223360040	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	02/03/2002	02BK15A2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
76	2223360036	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	15/10/2005	02BK15A2	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
77	2223240065	Nguyễn Ngọc	Triu	25/04/1998	02BK15A2	8.5	8.5	8.5		8.0		8.2	Đạt
78	2223360063	Nguyễn Anh	Tuấn	19/03/2003	02BK15A2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
79	2223360046	Hoàng	Tùng	24/05/1999	02BK15A2	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
80	2223360039	Bùi Phi	Yến	04/10/2006	02BK15A2	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
81	2223360064	Lê Ngọc Kim	Yến	20/04/2003	02BK15A2	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
82	2223360010	Nguyễn Thái	Bảo	16/08/2003	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
83	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02BK15B2	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
84	2223360054	Nguyễn Chí	Cường	07/10/2000	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		7.0		7.7	Đạt
85	2223240050	Lê Khắc	Đạt	08/10/1999	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
86	2223240036	Nguyễn Trọng	Đức	10/06/1987	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
87	2223240076	Trần Đức	Dương	13/04/2000	02BK15B2	7.0	8.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
88	2223360035	Lê Quang	Duyên	03/08/1993	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
89	2223360059	Trịnh Văn	Giàu	20/10/1993	02BK15B2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
90	2223180027	Nguyễn Trung	Hiếu	10/11/1991	02BK15B2	8.5	7.0	7.5				3.0	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
91	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
92	2223240057	Nguyễn Quốc	Huy	31/07/2003	02BK15B2	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
93	2223360026	Mai Thị	Huyền	03/06/1999	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
94	2223360073	Trần Nhật	Linh	04/04/1999	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		8.0		8.4	Đạt
95	2223360051	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2002	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		8.5		8.8	Đạt
96	2223240033	Võ Phước	Lộc	11/04/2002	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
97	2223240039	Võ Nguyễn Hoàng	My	05/04/2003	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
98	2223240047	Vũ Nhật	Nam	29/06/2002	02BK15B2	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
99	2223240030	Ngô Tuyền	Ngọc	31/07/2001	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
100	2223360057	Nguyễn Hồng	Ngự	21/02/1994	02BK15B2	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
101	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
102	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02BK15B2	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
103	2223360037	Phạm Hoàng	Phước	09/02/1997	02BK15B2	10.0	7.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
104	2223240054	Võ Thị Kim	Phượng	11/10/1991	02BK15B2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
105	2223240069	Trần Thị	Sâm	12/11/2003	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
106	2223240066	Võ Thị Ngọc	Sang	01/10/1985	02BK15B2	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
107	2223240044	Trần Thiện Tiến	Tâm	14/02/1995	02BK15B2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
108	2223240058	Nông Thị	Tem	25/02/1999	02BK15B2	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
109	2223240049	Nguyễn Văn Thái	23/02/1997	02BK15B2	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
110	2223360038	Lê Hồ Bá Thanh	16/08/1994	02BK15B2	10.0	7.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
111	2223360034	Hoàng Thị Thùy Trang	23/08/2005	02BK15B2	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
112	2223180026	Nguyễn Thái Phương Vi	04/10/1985	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
113	2223240042	Đỗ Thị Tường Vi	05/08/1987	02BK15B2	10.0	8.5	9.0		8.5		8.7	Đạt
114	2223240045	Nguyễn Thế Vĩnh	05/04/1997	02BK15B2	10.0	8.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
115	2223360043	Đinh Khả Vy	16/09/2000	02BK15B2	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
116	2223360132	Huỳnh Quốc Cường	05/07/1999	02BK15B4	9.5	8.5	8.8		8.0		8.3	Đạt
117	2223240109	Lê Thị Thùy Dung	21/03/2000	02BK15B4	10.0	8.0	8.7		8.5		8.6	Đạt
118	2223240118	Hồ Trung Hiếu	08/02/2003	02BK15B4	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
119	2223240120	Lê Thị Hường	02/09/1996	02BK15B4	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
120	2223360138	Mai Quốc Huy	04/01/2003	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
121	2223240107	Phạm Hữu Minh	19/10/1988	02BK15B4	10.0	7.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
122	2223360135	Ngô Thị Tú Minh	07/10/2001	02BK15B4	10.0	7.5	8.3		7.5		7.8	Đạt
123	2223240116	Trần Đoàn Cẩm Phụng	15/08/2001	02BK15B4	8.5	7.5	7.8		7.5		7.6	Đạt
124	2223240108	Đỗ Văn Thắng	24/03/2002	02BK15B4	10.0	8.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
125	2223180055	Nguyễn Mai Thanh	27/02/1994	02BK15B4	10.0	7.0	8.0				3.2	Thi lại
126	2223360134	Phạm Thị Hương Thảo	20/07/2003	02BK15B4	10.0	7.0	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
127	2223240106	Nguyễn Thanh	Thảo	17/09/2002	02BK15B4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
128	2223180058	Nguyễn Minh	Thức	25/11/1985	02BK15B4	8.5	7.0	7.5		8.0		7.8	Đạt
129	2223240043	Lê Thành	Long	01/01/2003	02BK15B2	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
130	2223240119	Mai Thanh	Trang	15/06/1997	02BK15B4	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
131	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02BK15B4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
132	2223360107	Lê Ngọc	Hiếu	08/05/1998	02BK15B4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
133	2223360112	Phạm Thị Bích	Thủy	15/10/1983	02BK15B4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
134	2223240104	Nguyễn Thị Ánh	Vy	05/08/1996	02BK15B4	8.0	7.0	7.3		8.5		8.0	Đạt
135	2203240211	Ngô Hồng	Hạnh	04/08/1988	02BK13B6	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
136	2223360086	Lê Chí	Cường	21/03/2003	02BK15A3	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
137	2223240079	Bùi Thị	Diệp	15/06/1998	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
138	2223240081	Lê Văn	Hạnh	12/07/2003	02BK15A3	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
139	2223240092	Nguyễn Văn	Huy	14/11/2003	02BK15A3	7.0	7.5	7.3		7.5		7.4	Đạt
140	2223240083	Trần Thị Kim	Huyền	15/05/2003	02BK15A3	8.5	8.0	8.2		8.0		8.1	Đạt
141	2223360090	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	22/12/2003	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
142	2223360098	Lương Thùy Mỹ	Khánh	03/09/2004	02BK15A3	7.0	5.0	5.7		7.5		6.8	Đạt
143	2223360100	Dương Minh	Khôi	02/08/2006	02BK15A3	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
144	2223360080	Đinh Công	Lâm	16/02/2003	02BK15A3	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
145	2223240084	Đỗ Thị Yến	Linh	06/03/2003	02BK15A3	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
146	2223240080	Nguyễn Ứng	Lĩnh	07/10/2001	02BK15A3	9.0	9.5	9.3		7.0		7.9	Đạt
147	2223360097	Nguyễn Tiến	Lợi	14/10/2001	02BK15A3	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
148	2223360084	Nguyễn Quang	Minh	30/04/2003	02BK15A3	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
149	2223180048	Lê Thị Kiều	My	04/10/1994	02BK15A3	9.0	8.5	8.7				3.5	Thi lại
150	2223240099	Nguyễn Long	Ngọc	22/08/2003	02BK15A3	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
151	2223360076	Lê Đình	Ngọc	13/08/2001	02BK15A3	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
152	2223360078	Nguyễn Phạm Nguyệt	Nhi	25/05/2006	02BK15A3	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
153	2223360082	Trần Ngọc Hưng	Phát	30/04/2005	02BK15A3	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
154	2223360104	Vũ Minh	Sang	06/12/2006	02BK15A3	7.0	7.5	7.3		7.0		7.1	Đạt
155	2223360081	Huỳnh Thị	Thanh	21/10/2001	02BK15A3	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
156	2223240075	Võ Thanh Mỹ	Tiên	25/08/1994	02BK15A3	10.0	9.0	9.3		9.0		9.1	Đạt
157	2223240087	Đặng Huỳnh Thủy	Tiên	13/11/2003	02BK15A3	8.0	7.5	7.7		8.0		7.9	Đạt
158	2223360089	Vũ Hoàng Thiên	Trí	20/07/2003	02BK15A3	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
159	2223240091	Trần Thị Cẩm	Tú	12/08/2003	02BK15A3	9.5	7.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
160	2223360093	Nguyễn Đặng Thanh	Vy	28/10/2001	02BK15A3	8.5	8.0	8.2		8.0		8.1	Đạt
161	2223360130	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28/01/2004	02BK15A4	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
162	2223360105	Nguyễn Thanh	Hải	26/03/2005	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
163	2223240121	Nguyễn Trung	Hung	01/11/2000	02BK15A4	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
164	2223360114	Dương Tấn	Khôi	18/09/2004	02BK15A4	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
165	2223360128	Lê Thị Thùy	Linh	01/08/2003	02BK15A4	7.0	7.0	7.0		8.0		7.6	Đạt
166	2223240122	Đặng Thị Diễm	My	20/04/2003	02BK15A4	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
167	2223360133	Bùi Hoài	Nam	06/02/2004	02BK15A4	8.5	6.5	7.2		7.5		7.4	Đạt
168	2223180050	Nguyễn Thị Thúy	Nga	07/03/1985	02BK15A4	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
169	2223240126	Lê Thị Yên	Nhi	22/07/2001	02BK15A4	9.0	8.0	8.3		6.5		7.2	Đạt
170	2223240111	Nguyễn Thị Tố	Như	10/2/2002	02BK15A4	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
171	2223240117	Lê Đình	Phuong	23/04/2001	02BK15A4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
172	2223360119	Phạm Nguyễn Hoàng	Quân	06/03/2005	02BK15A4	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
173	2223240112	Trần Anh	Quốc	13/07/2002	02BK15A4	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
174	2223360137	Văn Quý Thục	Trân	07/12/2003	02BK15A4	7.5	7.0	7.2		7.5		7.4	Đạt
175	2223240123	Đỗ Trần Bảo	Trân	05/07/2003	02BK15A4	7.0	7.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
176	3223240022	Trần Thị Hồng	Cúc	10/02/1998	02BK15A5	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
177	2223240130	Nguyễn Gia	Đông	25/01/1996	02BK15A5	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
178	2223240147	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	08/03/2001	02BK15A5	7.5	7.5	7.5		9.0		8.4	Đạt
179	2223360179	Trịnh Huy	Khánh	14/09/2006	02BK15A5	8.5	7.0	7.5		7.0		7.2	Đạt
180	2223360192	Nguyễn Xuân	Khánh	29/10/1990	02BK15A5	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
181	2223240145	Phạm Tấn Nhất	11/05/1996	02BK15A5	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt	
182	2223360156	Phạm Trần Hà	Phương	13/04/2004	02BK15A5	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
183	2223360189	Trần Xuân	Quyển	25/10/2003	02BK15A5	7.5	7.0	7.2		7.5		7.4	Đạt
184	2223360115	Trần Thị Mỹ	Tâm	01/04/2005	02BK15A5	8.5	7.5	7.8		7.0		7.3	Đạt
185	2223360175	Huỳnh Tấn	Thông	15/12/2003	02BK15A5	8.0	7.0	7.3		8.0		7.7	Đạt
186	2223180041	Phạm Sơn	Trà	13/10/1989	02BK15B3	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
187	2193360009	Vương Thùy Tú	Trinh	04/10/2003	02MK12C1	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
188	2223360480	Nguyễn Kim	Anh	03/02/2000	02BK15A8	8.0	9.5	9.0		8.0		8.4	Đạt
189	2223360139	Lâm Tâm	An	14/11/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
190	2223360127	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	21/12/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
191	2223360208	Trần Trọng	Anh	03/08/2003	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
192	2223360187	Nguyễn Hoàng Ngọc	Ánh	16/03/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
193	2223360190	Châu Quốc	Bảo	20/10/2003	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
194	2223360166	Dương Minh	Công	28/09/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
195	2223360202	Nguyễn Thị Mai	Dung	16/06/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
196	2223360143	Phạm Ngọc	Duyên	13/11/2006	02BK15A6.1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
197	2223360176	Huỳnh Ngọc	Đạt	23/05/2007	02BK15A6.1	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
198	2223360212	Nguyễn Hoàng Thục	Đoan	30/06/2006	02BK15A6.1	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
199	2223360184	Trần Khang	Hào	05/04/2006	02BK15A6.1	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
200	2223360113	Võ Minh	Hằng	20/03/2007	02BK15A6.1	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
201	2223360122	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	05/09/2007	02BK15A6.1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
202	2223360124	Nguyễn Bảo Ngọc	Hân	15/07/2007	02BK15A6.1	9.5	7.0	7.8		8.0		7.9	Đạt
203	2223360150	Phạm Đức	Hiếu	22/12/2007	02BK15A6.1	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
204	2223360191	Trần Gia	Hoàng	01/01/2007	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
205	2223360152	Nguyễn Phước Gia	Huy	26/01/2007	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
206	2223360120	Lê Tuấn	Kiệt	01/12/2005	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.5		8.2	Đạt
207	2223360193	Trần Thái	Kim	26/10/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
208	2223360163	Phạm Minh	Khang	01/01/2006	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
209	2223360103	Trần Vương	Khánh	10/08/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
210	2223360167	Trương Trung	Khánh	01/09/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
211	2223360200	Vũ Diệp	Lam	14/07/2007	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
212	2223360125	Tạ Nguyễn Khánh	Linh	26/06/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
213	2223360186	Nguyễn Nhựt	Linh	07/05/2007	02BK15A6.1	8.0	9.0	8.7		8.0		8.3	Đạt
214	2223360168	Võ Nguyễn Hồng	My	01/02/2007	02BK15A6.1	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
215	2223360149	Thiệu Thanh	Mỹ	16/10/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
216	2223360121	Nguyễn Thanh	Ngân	30/10/2007	02BK15A6.1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
217	2223360148	Ngô Mỹ Ngọc	07/10/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
218	2223360196	Trần Nguyễn	26/05/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
219	2223360118	Nguyễn Phú Huỳnh	26/11/2007	02BK15A6.1	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
220	2223360144	Phùng Yến	21/11/2007	02BK15A6.1	9.5	8.0	8.5		7.5		7.9	Đạt
221	2223360145	Đinh Thị Ái	12/07/2007	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
222	2223360182	Lê Ngọc Yến	11/09/2007	02BK15A6.1	8.0	5.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
223	2223360151	Hồ Quỳnh	04/09/2005	02BK15A6.1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
224	2223360183	Nguyễn Ngọc Yến	22/05/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		5.0		6.2	Đạt
225	2223360157	Trương Nguyễn Kiều	29/04/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
226	2223360188	Nguyễn Minh Phú	26/03/2007	02BK15A6.1	9.5	9.0	9.2		9.0		9.1	Đạt
227	2223360205	Phạm Nguyễn Thiên	16/12/2006	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		8.0		7.9	Đạt
228	2223360129	Lê Nguyễn Ngọc	14/06/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
229	2223360159	Trần Minh Quân	17/12/2005	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
230	2223360169	Lê Phạm Như Quỳnh	26/02/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
231	2223360170	Nguyễn Ánh Kim	28/11/2007	02BK15A6.1	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
232	2223360158	Nguyễn Tiến	24/02/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
233	2223360123	Nguyễn Thị Cẩm Tú	14/02/2007	02BK15A6.1	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
234	2223360197	Nguyễn Thị Thảo	28/05/2006	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
235	2223360180	Nguyễn Anh Thu	30/03/2007	02BK15A6.1	8.5	7.0	7.5		7.0		7.2	Đạt
236	2223360194	Nguyễn Hoàng Thúc	08/03/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.0		7.4	Đạt
237	2223240144	Trương Minh Nguyên	30/08/1994	02BK15A6.1	9.0	8.5	8.7		9.0		8.9	Đạt
238	2223360199	Lê Ngọc Bảo Thy	25/12/2007	02BK15A6.1	7.5	6.0	6.5		7.0		6.8	Đạt
239	2223360172	Huỳnh Ngọc Xuân	18/12/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
240	2223360161	Nguyễn Hoàng Ngọc Trâm	09/11/2007	02BK15A6.1	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
241	2223360195	Bùi Lê Ngọc Trâm	02/05/2007	02BK15A6.1	8.5	7.0	7.5		7.0		7.2	Đạt
242	2223360207	Phạm Phú Trọng	07/03/2007	02BK15A6.1	8.5	7.5	7.8		7.0		7.3	Đạt
243	2223360140	Lê Nguyễn Tường Vy	03/10/2007	02BK15A6.1	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
244	2223360160	Nguyễn Hồng Phi Yến	18/07/2007	02BK15A6.1	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
245	2223360274	Nguyễn Cao Thế Minh	07/10/2006	02BK15A6	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
246	2223360335	Đặng Văn Hiếu	04/11/2007	02BK15A6	8.5	7.5	7.8		7.5		7.6	Đạt
247	2223360309	Lê Hoàng Quân	21/09/2007	02BK15A6	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
248	2223360337	Nguyễn Viết Thành Công	20/10/2007	02BK15A6	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
249	2223240149	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	31/07/2001	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
250	2223360270	Đặng Hồng Ánh	30/11/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		8.5		7.9	Đạt
251	2223360235	Lê Hoàng Thiên Ân	26/07/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		7.0		6.9	Đạt
252	2223360264	Huỳnh Trọng Ân	30/01/2007	02BK15A6.2	7.5	9.0	8.5		9.0		8.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
253	2223360239	Phạm Minh Gia	Bảo	21/03/2007	02BK15A6.2	7.0	6.5	6.7		7.5		7.2	Đạt
254	2223360269	Nguyễn Hữu	Bảo	20/09/2007	02BK15A6.2	8.0	7.0	7.3				2.9	Thi lại
255	2223360275	Nguyễn Ngọc	Bích	24/07/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
256	2223360213	Nguyễn Tấn	Bình	30/10/2006	02BK15A6.2	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
257	2223360219	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	20/10/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
258	2223360245	Bùi Yến	Chi	05/04/2007	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
259	2223360223	Võ Văn	Chung	21/06/2007	02BK15A6.2	9.0	6.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
260	2223360225	Ung Tấn	Đạt	15/11/2007	02BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
261	2223360238	Lê Đình	Đạt	29/01/2007	02BK15A6.2	8.5	6.0	6.8		7.0		6.9	Đạt
262	2223360263	Đinh Hiền	Đạt	21/08/2007	02BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		8.5		8.3	Đạt
263	2223360273	Nguyễn	En - Ny	24/01/2007	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
264	2223360224	Nguyễn Thị	Hà	19/01/2001	02BK15A6.2	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
265	2223240154	Phạm Gia	Hân	07/06/1996	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
266	2223360241	Nguyễn Thanh Thu	Hồng	16/12/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
267	2223360243	Lê Quang	Huy	06/01/2007	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
268	2223360215	Đỗ Phước	Hung	07/02/2004	02BK15A6.2	6.0	6.0	6.0		5.5		5.7	Đạt
269	2223360237	Trần Thị Thanh	Hương	18/10/2007	02BK15A6.2	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
270	2223360216	Hứa Nguyễn Đăng	Khoa	01/01/2006	02BK15A6.2	7.5	6.0	6.5		7.0		6.8	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
271	2223360260	Trương Trần Mạnh	Khôi	11/04/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
272	2223360236	Lê Thành	Luân	21/05/2007	02BK15A6.2	8.0	5.5	6.3		7.0		6.7	Đạt
273	2223360234	Võ Âu Bảo	Ngọc	13/09/2007	02BK15A6.2	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
274	2223360254	Lê Võ Khánh	Như	21/12/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
275	2223360276	Lê Thái Tâm	Như	07/12/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
276	2223360240	Nguyễn Thiên	Phước	09/10/2007	02BK15A6.2	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
277	2223360226	Nguyễn Ngọc Hà	Phương	16/06/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
278	2223360268	Nguyễn Huỳnh Tô	Quyên	20/11/2007	02BK15A6.2	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
279	2223360278	Nguyễn Thanh	Sang	14/03/2007	02BK15A6.2	8.0	5.5	6.3		7.0		6.7	Đạt
280	2223360242	Tô Nguyễn Trường	Son	08/06/2007	02BK15A6.2	7.5	5.5	6.2		6.5		6.4	Đạt
281	2223360277	Nguyễn Tấn	Tài	27/10/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
282	2223360261	Lê Thảo	Tiên	27/01/2006	02BK15A6.2	8.0	5.5	6.3		7.5		7.0	Đạt
283	2223360252	Cao Thanh	Tú	07/05/2006	02BK15A6.2	7.5	6.5	6.8		8.0		7.5	Đạt
284	2223360249	Phan Huỳnh Minh	Tuấn	02/12/2007	02BK15A6.2	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
285	2223360217	Nguyễn Thiện Hoàn	Thành	05/03/2003	02BK15A6.2	8.0	7.5	7.7		7.0		7.3	Đạt
286	2223360218	Nguyễn Ngọc Quốc	Thành	21/09/2007	02BK15A6.2	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
287	2223360280	Lê Hồ Gia	Thuận	26/04/2007	02BK15A6.2	7.5	5.0	5.8		7.0		6.5	Đạt
288	2223360231	Hoàng Kim Anh	Thư	18/03/2006	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
289	2223360248	Nguyễn Nhựt Minh	Thư	03/01/2007	02BK15A6.2	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
290	2223360250	Lê Ngọc Y	Trang	21/12/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		7.5		7.7	Đạt
291	2223360279	Ngô Mỹ	Trang	26/10/2007	02BK15A6.2	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
292	2223360228	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	08/06/2006	02BK15A6.2	8.0	6.0	6.7		8.0		7.5	Đạt
293	2223360272	Nguyễn Minh	Triết	05/05/2006	02BK15A6.2	7.0	6.0	6.3		7.5		7.0	Đạt
294	2223360230	Trần Lê Kiều	Trinh	03/10/2006	02BK15A6.2	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
295	2223240155	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	22/01/1998	02BK15A6.2	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
296	2223360244	Hứa Thị Hạnh	Trúc	21/07/2007	02BK15A6.2	8.5	7.5	7.8		8.0		7.9	Đạt
297	2223360232	Võ Phan Phú	Trung	08/04/2007	02BK15A6.2	6.0	4.5	5.0		7.0		6.2	Đạt
298	2223360233	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	19/07/2007	02BK15A6.2	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
299	2223360214	Lê Ngọc Khả	Vân	28/07/2007	02BK15A6.2	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
300	2223360246	Trịnh Hoàng Bảo	Yến	18/08/2007	02BK15A6.2	6.0	6.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
301	2223360256	Nguyễn Thuý	Diễm	21/01/2007	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
302	2223360258	Lâm Minh	Thắng	22/07/2007	02BK15A7	7.5	7.0	7.2		7.5		7.4	Đạt
303	2223360496	Nguyễn Chí	Quang	03/11/2007	02BK15A8	9.0	7.5	8.0		8.0		8.0	Đạt
304	2223360141	Lộc Nguyễn Thùy	Trâm	12/11/2007	02BK15A6	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
305	2193240321	Phan Thị Kim	Cương	20/09/1997	02BK12B6	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
306	2223360201	Bùi Ngọc Vân	Vy	17/03/2007	02BK15A6.3	9.0	6.5	7.3				2.9	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
307	2223360293	Nguyễn Văn An	13/11/2007	02BK15A6.3	8.0	3.5	5.0				2.0	Thi lại
308	2223360314	Hồ Hoài An	17/11/2007	02BK15A6.3	6.0	5.5	5.7		6.5		6.2	Đạt
309	2223360284	Hà Bảo Anh	03/09/2007	02BK15A6.3	8.5	3.5	5.2				2.1	Thi lại
310	2223360315	Đinh Duy Anh	25/06/2007	02BK15A6.3	8.0	6.5	7.0		7.5		7.3	Đạt
311	2223360329	Du Quế Ân	10/07/2007	02BK15A6.3	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
312	2223360302	Phan Nguyễn Gia Bảo	23/12/2007	02BK15A6.3	8.5	6.0	6.8		7.0		6.9	Đạt
313	2223360333	Đoàn Lâm Thiện Bảo	28/11/2007	02BK15A6.3	8.0	4.5	5.7				2.3	Thi lại
314	2223360308	Trần Trí Dũng	29/08/2007	02BK15A6.3	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
315	2223360313	Nguyễn Nhật Tùng Dương	27/07/2006	02BK15A6.3	7.0	5.0	5.7		5.0		5.3	Đạt
316	2223360342	Phạm Thế Hào	27/06/2007	02BK15A6.3	8.0	4.0	5.3		6.5		6.0	Đạt
317	2223360291	Trương Gia Hân	07/06/2007	02BK15A6.3	8.0	5.0	6.0		8.0		7.2	Đạt
318	2223360300	Lương Kim Bảo Hân	15/02/2006	02BK15A6.3	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
319	2223360320	Nguyễn Hồ Thanh Hiệp	23/09/2007	02BK15A6.3	6.0		2.0	TBKT			0.8	Học lại
320	2223360283	Trần Như Châu Thanh Hòa	16/04/2007	02BK15A6.3	7.0	7.5	7.3		8.0		7.7	Đạt
321	2223360343	Huỳnh Đăng Khải Hoàn	24/03/2007	02BK15A6.3	7.0		2.3	TBKT			0.9	Học lại
322	2223360319	Trần Nguyễn Văn Hoàng	26/12/2006	02BK15A6.3	8.0	5.5	6.3		6.5		6.4	Đạt
323	2223360322	Ngô Minh Hoàng	13/07/2007	02BK15A6.3	8.5	3.5	5.2		6.5		6.0	Đạt
324	2223360317	Nguyễn Văn Khải	17/06/2005	02BK15A6.3	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
325	2223360295	Phan Thị Thùy Linh	30/03/2007	02BK15A6.3	6.0		2.0	TBKT			0.8	Học lại
326	2223360323	Phạm Ngọc Thanh Loan	19/08/2007	02BK15A6.3	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
327	2223360353	Mai Kha Long	05/09/2007	02BK15A6.3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
328	2223360352	Trần Phúc Lộc	25/09/2007	02BK15A6.3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
329	2223360303	Phạm Mộc Miên	20/10/2007	02BK15A6.3	8.0	5.5	6.3		7.5		7.0	Đạt
330	2223360294	Nguyễn Hoàng Nam	30/01/2007	02BK15A6.3	7.5	6.0	6.5		7.0		6.8	Đạt
331	2223360288	Trần Bảo Ngân	20/10/2007	02BK15A6.3	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
332	2223360338	Trần Quang Ngân	23/07/2004	02BK15A6.3	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
333	2223360301	Nguyễn Hồng Ngọc	12/02/2007	02BK15A6.3	7.0	4.5	5.3		7.5		6.6	Đạt
334	2223360348	Trần Nguyễn Hòa Nhã	22/11/2007	02BK15A6.3	6.0		2.0	TBKT			0.8	Học lại
335	2223360304	Nguyễn Thiên Nhi	23/07/2007	02BK15A6.3	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
336	2223360340	Trần Yên Nhi	26/11/2007	02BK15A6.3	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
337	2223360282	Hồ Quỳnh Như	29/11/2007	02BK15A6.3	6.0	6.0	6.0		6.0		6.0	Đạt
338	2223360344	Trần Ngọc Như	16/11/2007	02BK15A6.3	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
339	2223360346	Nguyễn Thị Kim Oanh	04/12/2007	02BK15A6.3	7.0	7.0	7.0		7.0		7.0	Đạt
340	2223360297	Trịnh Đoàn Tuấn Phong	19/08/2007	02BK15A6.3	7.0	4.5	5.3		6.5		6.0	Đạt
341	2223360305	Vũ Đình Phong	25/12/2007	02BK15A6.3	8.0	6.0	6.7				2.7	Thi lại
342	2223360298	Phạm Thiên Phú	01/04/2007	02BK15A6.3	7.5	6.5	6.8		7.0		6.9	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
343	2223360336	Lý Hữu Phước	15/06/2007	02BK15A6.3	8.0	5.0	6.0		7.0		6.6	Đạt
344	2223360326	Huỳnh Thị Minh Phương	31/12/2006	02BK15A6.3	8.0	8.5	8.3				3.3	Thi lại
345	2223360332	Nguyễn Thị Hồng Phương	08/07/2007	02BK15A6.3	8.0	5.0	6.0		7.5		6.9	Đạt
346	2223360350	Đặng Thị Trúc Phương	15/10/2007	02BK15A6.3	8.5	4.5	5.8		7.0		6.5	Đạt
347	2223360290	Dương Trung Quân	12/01/2007	02BK15A6.3	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
348	2223360325	Võ Minh Tiến	25/09/2007	02BK15A6.3	8.0	8.0	8.0		7.5		7.7	Đạt
349	2223240157	Đào Trung Tín	09/12/2002	02BK15A6.3	6.0	4.5	5.0		7.0		6.2	Đạt
350	2223360306	Nguyễn Chí Thành	19/10/2006	02BK15A6.3	6.5	6.0	6.2		6.0		6.1	Đạt
351	2223360349	Nguyễn Tấn Thuận	24/11/2007	02BK15A6.3	7.5	5.0	5.8		7.0		6.5	Đạt
352	2223360311	Nguyễn Vũ Ngọc Thùy	02/12/2000	02BK15A6.3	7.0	6.0	6.3		8.0		7.3	Đạt
353	2223360299	Lý Ngọc Bảo Trân	20/11/2007	02BK15A6.3	8.5	8.0	8.2				3.3	Thi lại
354	2223360316	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	19/08/2007	02BK15A6.3	8.0	8.5	8.3		8.5		8.4	Đạt
355	2223360341	Nguyễn Thanh Trúc	30/12/2007	02BK15A6.3	8.0	7.5	7.7				3.1	Thi lại
356	2223360287	Huỳnh Thị Thanh Vy	19/10/2007	02BK15A6.3	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
357	2223360327	Bùi Nguyễn Thanh Vy	27/10/2007	02BK15A6.3	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
358	2223360281	Ngô Ngọc Minh Xuân	12/08/2007	02BK15A6.3	8.0	4.5	5.7		7.5		6.8	Đạt
359	2223360417	Đoàn Xuân Phương An	09/11/2007	02BK15A6.4	9.0	7.0	7.7		7.5		7.6	Đạt
360	2223360396	Phạm Thị Phương Anh	26/08/2007	02BK15A6.4	8.0	5.5	6.3		6.5		6.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
361	2223360408	Vũ Hải Anh	25/08/2007	02BK15A6.4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
362	2223360430	Nguyễn Kỳ Anh	15/07/2007	02BK15A6.4	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
363	2223360370	Vũ Đức Dũng	25/12/2006	02BK15A6.4	9.0	9.0	9.0		7.0		7.8	Đạt
364	2223360409	Lê Trần Thùy Dương	04/12/2007	02BK15A6.4	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
365	2223360433	Lê Hoàng Ánh Dương	13/10/2007	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		8.0		8.0	Đạt
366	2223360371	Huỳnh Chí Đạt	24/02/2007	02BK15A6.4	8.5	8.0	8.2		7.5		7.8	Đạt
367	2223360397	Lê Trọng Thành Đạt	17/11/2007	02BK15A6.4	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
368	2223360398	Nguyễn Đoàn Hiền Đạt	18/12/2007	02BK15A6.4	7.5	6.0	6.5		7.0		6.8	Đạt
369	2223360390	Nguyễn Hàn Nhật Đông	10/01/2007	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
370	2223360400	Nguyễn Thị Khả Hân	14/06/2007	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
371	2223360373	Trần Tuệ Hiếu	31/07/2007	02BK15A6.4	7.0	5.5	6.0		6.5		6.3	Đạt
372	2223360392	Nguyễn Huy Hoàng	03/04/2007	02BK15A6.4	7.5	7.5	7.5		7.5		7.5	Đạt
373	2223360394	Hồ Minh Hoàng	24/07/2007	02BK15A6.4	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
374	2223360375	Trần Thị Thu Huyền	29/01/2007	02BK15A6.4	9.0	9.0	9.0		9.0		9.0	Đạt
375	2223360384	Võ Nguyễn Minh Hưng	16/10/2007	02BK15A6.4	8.0	8.0	8.0		7.0		7.4	Đạt
376	2223360399	Lê Thị Xuân Hương	23/09/2007	02BK15A6.4	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
377	2223360367	Đỗ Trịnh Chí Khang	08/10/2007	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
378	2223360372	Phan Nhật Minh Khang	25/09/2007	02BK15A6.4	8.0	5.5	6.3		6.5		6.4	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
379	2223360383	Nguyễn Minh Khang	31/08/2007	02BK15A6.4	8.5	6.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
380	2223360415	Nguyễn Trần Chấn Khang	16/10/2004	02BK15A6.4	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
381	2223360422	Nguyễn Tuấn Khanh	22/11/2006	02BK15A6.4	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
382	2223360424	Lê Bắc Khăm	01/01/2003	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
383	2223360391	Hồ Anh Khoa	11/11/2007	02BK15A6.4	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
384	2223360414	Nguyễn Ngọc Kim Loan	07/12/2007	02BK15A6.4	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
385	2223360361	Nguyễn Sơn Long	05/11/2007	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
386	2223360412	Nguyễn Quang Lộc	06/08/2007	02BK15A6.4	9.0	8.0	8.3		7.5		7.8	Đạt
387	2223360407	Nguyễn Văn Bình Minh	24/10/2006	02BK15A6.4	8.0	5.5	6.3		7.0		6.7	Đạt
388	2223360405	Nguyễn Hoàng Hải My	17/09/2007	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
389	2223240161	Bích Hường Niê	18/03/1996	02BK15A6.4	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
390	2223360362	Trần Vương Song Ngân	05/12/2007	02BK15A6.4	8.0	6.0	6.7		7.5		7.2	Đạt
391	2223360385	Nguyễn Thị Kim Ngân	16/01/2007	02BK15A6.4	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
392	2223360401	Hà Bảo Ngọc	03/12/2007	02BK15A6.4	8.5	6.5	7.2		7.0		7.1	Đạt
393	2223360406	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	11/08/2007	02BK15A6.4	9.0	6.0	7.0		7.5		7.3	Đạt
394	2223360368	Cao Minh Nhật	06/12/2007	02BK15A6.4	8.0	5.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
395	2223360377	Nguyễn Hoàng Yên Nhi	29/10/2007	02BK15A6.4	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
396	2223360429	Dương Nguyệt Nhi	24/06/2007	02BK15A6.4	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4.0		6.0	6.0			
397	2223360381	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/10/2007	02BK15A6.4	8.0	7.0	7.3		7.5		7.4	Đạt
398	2223360357	Nguyễn Thiên	Phúc	21/01/2007	02BK15A6.4	8.5	7.0	7.5		7.0		7.2	Đạt
399	2223360359	Võ Ngọc Phi	Phụng	15/01/2007	02BK15A6.4	6.0	6.0	6.0		6.5		6.3	Đạt
400	2223360227	Lý Kiến	Quốc	26/08/2007	02BK15A6.4	7.0	6.0	6.3		7.0		6.7	Đạt
401	2223360366	Phan Văn	Tài	27/07/2007	02BK15A6.4	7.5	7.5	7.5		7.0		7.2	Đạt
402	2223360382	Võ Thành	Tài	27/02/2007	02BK15A6.4	8.0	6.5	7.0		7.0		7.0	Đạt
403	2223360411	Nguyễn Phương Thanh	Tâm	11/11/2007	02BK15A6.4	9.0	4.0	5.7		7.5		6.8	Đạt
404	2223360379	Lê Trúc	Tiên	24/03/2007	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
405	2223360380	Ngô Thanh	Vân	18/07/2007	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
406	2223360451	Ngô Anh	Kiệt	26/09/2007	02BK15A6.4	7.5	6.0	6.5		7.0		6.8	Đạt
407	2223360153	Nguyễn Thị Yến	Như	20/07/2007	02BK15A6.4	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
408	2223360419	Trần Minh	Thái	30/08/2007	02BK15A6.4	7.5	7.0	7.2		7.0		7.1	Đạt
409	2223360450	Nguyễn Quỳnh	Anh	07/12/2007	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		8.0		8.3	Đạt
410	2223360466	Vũ Trúc	Anh	09/04/2007	02BK15A7	8.5	7.5	7.8		7.0		7.3	Đạt
411	2223360474	Nguyễn Thị Phương	Anh	08/10/2007	02BK15A7	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
412	2223240198	Nguyễn Nguyễn Ngọc Hải	Anh	17/08/1999	02BK15A7	8.5	8.0	8.2				3.3	Thi lại
413	2223240184	Trần Thị Ngọc	Ánh	04/07/2002	02BK15A7	8.5	8.5	8.5		8.5		8.5	Đạt
414	2223360485	Nghiêm Tấn	Đạt	20/12/2007	02BK15A7	8.0	7.5	7.7				3.1	Thi lại

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
							4.0		6.0	6.0		
415	2223360458	Đỗ Thị Thu Hà	10/08/2006	02BK15A7	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
416	2223240185	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	26/08/2004	02BK15A7	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
417	2223360461	Trần Thị Hồng Hạnh	05/03/2007	02BK15A7	8.5	8.0	8.2		7.0		7.5	Đạt
418	2223360457	Nguyễn Trương Hoàng Hiệp	27/05/2007	02BK15A7	8.5	7.5	7.8		7.0		7.3	Đạt
419	2223360431	Lý Gia Huy	27/09/2006	02BK15A7	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
420	2223360255	Bùi Minh Khang	06/05/2007	02BK15A7	9.0	7.0	7.7		7.0		7.3	Đạt
421	2223360459	Trần Trọng Khang	10/03/2007	02BK15A7	9.5	7.5	8.2		7.0		7.5	Đạt
422	2223360469	Hà Nguyễn Quyền Khanh	13/11/2007	02BK15A7	9.0	7.5	8.0		8.5		8.3	Đạt
423	2223360427	Nguyễn Lý Ánh Linh	09/05/2006	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
424	2223360455	Nguyễn Thị Tố Nga	17/09/2007	02BK15A7	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
425	2223360460	Trần Ngọc Thiên Nga	09/11/2006	02BK15A7	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt
426	2223360468	Sóc Thị Quỳnh Nhi	24/03/2007	02BK15A7	8.0	8.5	8.3		8.0		8.1	Đạt
427	2223360453	Phạm Ngọc Quỳnh Như	10/12/2007	02BK15A7	8.0	9.0	8.7		7.5		8.0	Đạt
428	2223360462	Vũ Đức Phúc	19/02/2007	02BK15A7	8.5	8.5	8.5		7.5		7.9	Đạt
429	2223360470	Trần Phúc Thành	28/10/2006	02BK15A7	9.0	8.0	8.3		8.0		8.1	Đạt
430	2223360456	Trần Ngọc Thanh Thảo	12/11/2007	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt
431	2223360467	Nguyễn Trần Thiên Thuận	28/08/2006	02BK15A7	8.5	7.0	7.5		7.5		7.5	Đạt
432	2223360473	Lê Thị Thủy Tiên	31/10/2007	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		8.5		8.6	Đạt

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC

Môn: GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
					HS1	HS2			L1	L2	TBM Lần 1	
							4.0		6.0	6.0	TB Môn	KQ1
433	2223360465	Vũ Cẩm Tú	19/02/2006	02BK15A7	9.0	9.0	9.0		7.5		8.1	Đạt
434	2223360464	Trần Phương Uyên	29/10/2007	02BK15A7	9.0	9.0	9.0		8.0		8.4	Đạt
435	2223360463	Lê Ngọc Phương Vi	21/09/2007	02BK15A7	9.0	8.5	8.7		7.5		8.0	Đạt
436	1223360228	Mai Như Ý	10/08/2007	02BK15A7	9.0	9.0	9.0		8.5		8.7	Đạt
437	2223240179	Nguyễn Thị Thanh Hải Ý	29/08/1993	02BK15A7	8.0	8.5	8.3		9.0		8.7	Đạt
438	2223240189	Ngô Thị Hương Giang	07/10/2003	02BK15A7	7.0	6.0	6.3		8.5		7.6	Đạt
439	2223360482	Lê Thủy Tiên	09/04/2007	02BK15A7	8.0	7.5	7.7		7.5		7.6	Đạt
440	2223360185	Vũ Huy Hoàng	14/04/2006	02BK15A7	8.0	7.0	7.3		7.0		7.1	Đạt
441	2223240190	Vũ Thị Thu Thảo	01/11/2000	02BK15A7	8.5	7.5	7.8		8.5		8.2	Đạt
442	2223360071	Trần Lê Gia Bảo	16/07/2005	02BK15B4	8.5	8.0	8.2				3.3	Thi lại
443	2223360251	Nguyễn Võ Uyển Nhi	15/05/2004	02BK15A6	9.0	8.0	8.3		8.5		8.4	Đạt